

# Thế giới thiên nhiên trong thơ tượng trưng Bích Khê

Nguyễn Thị Mỹ Hiền\*

Nhận ngày 11 tháng 8 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 10 năm 2023.

**Tóm tắt:** Trong giai đoạn hình thành và phát triển Thơ mới theo khuynh hướng tượng trưng, Bích Khê được giới nghiên cứu đánh giá là một cây bút thành công nhất trong lĩnh vực thơ tượng trưng ở Việt Nam giai đoạn 1932-1945. Thơ tượng trưng Bích Khê huyền bí, giàu tính nhạc, đậm chất hoạ cùng với cách xây dựng hệ thống biểu tượng đặc sắc đã đưa ông trở thành một “đoá hoa thần dị” trong “vườn hoa Thơ mới đậm hương sắc”. Bích Khê luôn quan niệm thiên nhiên là một thế giới thanh khiết, huyền diệu, đậm hương thơm; là sự tương giao, hoà quyện giữa vạn vật và con người; là sự giao hoà giữa màu sắc, hương thơm và ánh sáng; là sự cân bằng bởi của yếu tố tâm linh,... Từ những dẫn giải trên, bài viết tìm hiểu yếu tố thiên nhiên dưới lăng kính tượng trưng của nhà thơ để thấy được những đóng góp đặc sắc và tiêu biểu của Bích Khê đối với thơ tượng trưng Việt Nam giai đoạn 1932-1945 nói riêng và thơ ca Việt Nam hiện đại nói chung.

**Từ khóa:** Thơ tượng trưng, Bích Khê, thiên nhiên, lăng kính tượng trưng.

**Phân loại ngành:** Văn học

**Abstract:** During the period of formation and development of Thơ mới (New Poetry) following a symbolic trend, Bích Khê was considered the most successful poet in the field of symbolic poetry in Vietnam during the period 1932-1945. Bích Khê's symbolic poetry is mysterious, rich in music, full of painting, along with the unique way of building a symbolic system that made him a "prominent figure" in a world of big talents of Thơ mới. Bích Khê always believed that nature was a pure, magical world full of fragrance, it was the interaction and harmony between all things and people, between color, fragrance and light, and the balance of spiritual elements. From the above explanations, the article delves deeper into understanding the natural elements under the poet's symbolic lens, from which we can see the unique contributions, beautiful distillations, and typical contributions of Bích Khê for Vietnamese symbolic poetry in the period 1932-1945 in particular and modern Vietnamese poetry in general.

**Keywords:** Symbolic poetry, Bích Khê, nature, symbolic lens.

**Subject classification:** Literature

## 1. Mở đầu

Thơ tượng trưng là một kiểu sáng tác thơ trên thế giới bắt đầu từ sáng tác thơ của S. Baudelaire (1821 - 1867), được tiếp tục bởi các nhà thơ Pháp như P. Verlaine (1844 - 1899), A. Rimbaud (1854 - 1891), S. Mallarmé (1842 - 1898). Thơ tượng trưng cũng ảnh hưởng tới phong trào Thơ mới Việt Nam và vào hậu kỳ phong trào này xuất hiện một số tác giả có màu sắc tượng trưng như Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Đinh Hùng, Nguyễn Xuân Sanh... (Trần Đình Sử, 2021). Theo Thụy Khuê: “*Tượng trưng* xuất hiện vào khoảng 1885, sau *Thi Sơn* 20 năm, thực sự mở đầu giai đoạn hiện đại, với những khái niệm mới về thi ca”; “Baudelaire đưa nghệ thuật khơi gợi lên mức thượng thừa trong một cấu trúc thơ chặt chẽ và đầy nhạc tính. *Khơi gợi* trở thành vấn đề nòng cốt của thơ tượng trưng.... Năm 1886, xuất hiện tác phẩm *Chuyên luận về lời nói* của René Ghil, đưa ra lý thuyết *hòa âm lời nói* trong đó thơ được coi là sự hòa hợp hai yếu tố *âm nhạc và gợi cảm*” (Thụy Khuê, 2019: 177).

---

\* Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
Email: myhien0811@gmail.com

Thơ tượng trưng là một thể loại thơ mà nhà thơ vận dụng biểu tượng, nhạc điệu, tính họa, giao cảm,... để nói lên tâm trạng, cảm xúc sâu thẳm bên trong của con người. Thơ tượng trưng là một nghệ thuật thuần túy - nghĩa là, thơ chỉ là thơ, là một loại hình thẩm mỹ chứ không đề cập đến các vấn đề chính trị và xã hội. Thơ tượng trưng không chủ trương về chủ nghĩa duy lý, duy thực mà đào sâu về cái chưa biết hoặc khó nắm bắt được một cách cụ thể, rõ ràng; thiên về cái mơ hồ, về sự huyền bí, bí ẩn, cảm xúc bên trong của con người. Chính vì lẽ đó, thơ tượng trưng đã đem lại một cách nhìn mới về thế giới, đời sống, con người, văn hóa, tư tưởng, với những quan niệm thẩm mỹ đặc trưng.

Bích Khê là một nhà thơ xuất hiện trong phong trào Thơ mới, nhưng ở giai đoạn cuối - giai đoạn thoái trào của thơ lãng mạn và mở hướng sang tượng trưng, siêu thực. Bích Khê sáng tác không nhiều, nhưng chính tư duy duy tâm trong sáng tạo nghệ thuật dựa trên những nguyên tắc cơ bản của thơ tượng trưng Pháp (nhạc tính, tính họa, tương giao, biểu tượng,...) đã đưa Bích Khê trở thành một nhà thơ tượng trưng tiêu biểu ở Việt Nam giai đoạn 1932-1945.

Thiên nhiên trong thơ ca nói chung luôn chiếm một vị trí quan trọng. Ở mỗi nhà thơ, mỗi truyền thống thơ ca hay thời đại, thiên nhiên lại có những nét khác biệt. Chính bởi thế, việc tiếp cận từ góc độ thiên nhiên dưới lăng kính tượng trưng ở trường hợp thơ Bích Khê không phải chỉ là một mối quan tâm về không gian thiên nhiên theo nghĩa thông thường mà còn là nơi tìm đến sự cân bằng trong tâm hồn, cảm xúc. Trong hành trình đó, Bích Khê đã nỗ lực khám phá thiên nhiên bằng cách tạo dựng bầu “khí quyển” riêng của mình, một bầu “khí quyển” kết nối thế giới tự nhiên, con người và miền tâm linh bởi: thiên nhiên giao hòa giữa vũ trụ và con người; thiên nhiên thanh khiết, huyền diệu, đắm hương thơm; thiên nhiên giao hòa giữa màu sắc, hương thơm và ánh sáng; thiên nhiên được cân bằng bởi của yếu tố tâm linh. Trong công cuộc “Duy tân” thơ, bên cạnh việc chú trọng đến tính nhạc, tính họa, biểu tượng,... ông luôn chú trọng đưa yếu tố thiên nhiên đặt bên cạnh họa, nhạc,... để làm tăng thêm vẻ đẹp quyến rũ của thơ tượng trưng. Xét về cảm quan thiên nhiên trong thơ tượng trưng Bích Khê, có thể thấy rằng, thiên nhiên có một vị trí vô cùng quan trọng, nếu thiếu, chắc hẳn sẽ không có một *Tinh huyết*, *Tinh hoa* (hai tập thơ tiêu biểu của Bích Khê) đặc sắc đến vậy. Tiếp nhận thơ Bích Khê từ góc nhìn này góp phần khai mở về một hướng nghiên cứu mang tính sáng tạo trong thơ ca. Bài viết tìm hiểu thiên nhiên trong thơ tượng trưng Bích Khê qua hai tập thơ *Tinh huyết* và *Tinh hoa* của ông.

## 2. Thiên nhiên thanh khiết, huyền diệu, đắm hương thơm

Đọc thơ Bích Khê, chúng ta như bước vào một không gian thiên nhiên đầy hương, hoa, nắng, nhạc,... tất cả sự “tô hợp” đó đã gọi lên không gian thanh khiết, huyền diệu, đắm hương thơm: *Đáy bát ngát lúa thơm như mùi sữa* (Mộng Cầm ca); *Đáy dạ lan hương đầy đỉnh trầm hương/.../ Hồn xạ hương phơ phất ở trong sương* (Mộng Cầm ca); *Một người thiếu nữ hiện trong trăng; Người lộ mông như sương rồi tan ra nhạc* (Hiện hình); *Man mác cho nên nhớ chị Hằng/ Hai tôi nhíp nhàng lên cung trăng* (Nghê thường);... “Bích Khê đã dẫn người đọc bước vào một không gian chạm trổ những trăng sao, màu sắc, làm no nê tất cả mọi giác quan, vì những hình ảnh, âm thanh, khoái lạc, ông mô tả” (Hồ Văn Quốc, 2016: 368). Càng đi sâu vào thế giới ấy, chúng ta càng bị mê hoặc bởi một không gian đầy màu sắc, hương thơm: *Lam nhưng ô! Màu lưng chừng trời/ Xanh nhưng ô! Màu phơi nơi nơi* (Hoàng hoa); *Hương ngọt ngào ánh sáng chớp mau mau* (Sợ người); *Chân nhíp nhàng lòng nghe hương nằng nặng; Cười thơm như ngọc đội hương vang; Nắng vàng thơm rung rinh điệu ngọc*. Mùi hương tràn ngập, bao phủ cả không gian, nào là: “thơm như sữa lúa”, “hồn xạ hương”, “hơi thở hoa hồng”, “đỉnh trầm hương”. Với cách nhìn thiên nhiên của một nhà thơ tượng trưng, ông luôn tìm thấy sự thanh khiết, muôn ngàn hương thơm của vạn vật trong thế giới mà ông đang có mặt. Ông đã biến những hương thơm ấy thành đối tượng nghệ thuật và luôn cảm thấy

hung phấn và sáng khoái khi đắm mình giữa bát ngát trinh nguyên và mùi hương: *Đây dạ lan hương, đây đỉnh trầm hương/ Đây bát ngát và thom như sữa lúa/ Hồn xạ hương phơ phất ở trong sương* (Mộng Cầm ca). Nơi đây, thiên nhiên hoà trong nhạc, âm nhạc bao trùm, hoà vào cảnh vật và con người: *Đàn thơ cơ hồ lên cung âm điệu/ Đàn giây trinh bạch khóc mướt trong mơ/... / Nàng ơi đừng động, có nhạc trong giây/ Nhạc gầy hoa mộng, nhạc ngát trời mây* (Nhạc). Nơi đó, có hương dạ lan, hồn xạ hương, hơi thở hoa hồng, không gian tơi, mát mùa thu xanh tựa ngọc. Thiên nhiên, từ nắng gió đến hương hoa, màu sắc đều trở thành những ký hiệu của nhạc: *Ôi nắng vàng thom rung rinh điệu ngọc/ Nắng có nhạc chớp đầy hương lạ/ Gió đi chơi với trong khung trắng* (Hiện hình). Nhịp điệu ấy được đo bằng xao động của cảnh vật: rung rinh điệu ngọc, những cánh hồng đơm, nhẹ nhàng, gọn gọn,...

Thiên nhiên huyền diệu đó còn rực rỡ bởi ánh sáng hào quang, lung linh, huyền ảo, mỹ lệ: *Trăng dẹt gấm mà sao thêu kim tuyến/ Cả không gian ngời kết ngọc kim cương/ Lầu ai ánh gì như lưu ly/ Động đảo nguyên chấp choá ánh lưu ly...* Đó là không gian của vàng bạc, ngọc ngà, xà cừ, san hô, mã não, kim cương, lấp lánh đẹp như trong mơ: *Mâm vàng đầy, đĩa ngọc đầy/ Nâng chén tinh ròng ca một khúc/ Tiệc hoa hề, chén ngọc hề/ Vàng ròng bạc tốt trong tay trắng/ Ngựa ai rung lạc tiếng trong veo* (Nam hành). Phan Kim Thịnh nhận định: “Bích Khê đã đưa đầy từng bước nhịp nhàng hồn người đọc vào cái khung cảnh chéch choáng của một thứ men không tên, nhìn mọi sự vật đều ảo, rồi ngất ngây vì hương nhạc...” (Nhiều tác giả, 2016: 369).

Thiên nhiên trong thơ Bích Khê không chỉ hoà điệu giữa âm thanh, sắc màu, ánh sáng mà còn được xuất hiện dưới cái nhìn của cảm giác. Vậy nên, mọi vật đều được cảm nhận qua các giác quan với “mùi vị” tương giao: *Trăng gầy vàng, vàng gầy lên sắc nắng/ Cửa hồn thu đi lạc ở trong mơ* (Mộng Cầm ca). Trong thế giới thiên nhiên thanh khiết, huyền diệu ấy, con người được nhìn qua âm thanh (*miệng như đàn, nói ra thành điệu nhạc*), qua hương thơm (*nàng là hương hay nhan sắc lên hương*), những cảm giác sắc ngọt (*cười trắng thủy tinh, mắt rất mát*). Ánh trăng được nhân hoá qua từng hành động: *trăng nhòm sập ngã, trăng ngủ, trăng rờn, trăng ôm niêm tóc bạc, trăng say, trăng bông ngậy khờ...* Thiên nhiên ấy được thể hiện qua âm thanh, hương thơm, màu sắc,... tất cả đều chuyên hoá, tan hoà, cộng hưởng, dẫn người đọc đi vào vùng siêu cảm. Mùi hương có trọng lượng, có hơi ấm, có âm thanh và ánh sáng: “Tất cả các loại hương đầy được nhà thơ tiếp nhận, tinh lọc, thăng hoa của một khiếu thẩm định cực kỳ nhạy bén, tinh tế dường như đến tận cùng tế bào hương, từng chiều sâu thẳm của hương. Đến độ chúng có thể vật chất hóa nó, cân đếm được” (Nhiều tác giả, 2005: 172). Theo Lê Huy Oanh, thiên nhiên trong thơ Bích Khê là cõi huyền diệu, là nơi ngự trị của thơ ca: “Hãy vào thế giới *Tinh huyết* mà coi những vẻ đẹp vừa mờ ảo vừa lộng lẫy của nghệ thuật. Hãy đến mà coi một kho tàng những cảm xúc và những áo giác rất lạ lùng mà vẫn rất thật” (Nhiều tác giả, 2016: 367).

Thiên nhiên thanh khiết, diệu huyền, đắm hương trong thơ Bích Khê còn được định hình qua sắc đẹp của giai nhân. Bích Khê không chỉ ẩn tượng với hương thơm của thiên nhiên, của hương hoa mà còn mơ thấy, tưởng tượng ra mùi thơm của cảm giác, của da thịt, của ái ân: *Đêm u huyền ngủ mê trên mái tóc/ Vài chút trắng say động lại ở làn môi/ Suối tóc mát nhúng trong vùng mộng tuyết/ Mỗi cái ngó là một vì sao mọc, Mỗi liếc yêu là phảng phất mùi hương* (Tranh lỏa thể).

Sự thanh khiết, huyền diệu, đắm hương của thiên nhiên trong thơ nói chung không phải chỉ đến thơ tượng trưng Bích Khê mới có; tuy nhiên, phải đợi đến Bích Khê, với tất cả ý thức của nghệ thuật thơ tượng trưng - thuần túy và tượng trưng, ta mới cảm nhận một cách toàn diện sự “họa diệu” đa dạng của tất cả các yếu tố sắc màu, âm thanh, ánh sáng, mùi hương, nhịp điệu của nó. Trong thơ Đường, bài *Điều minh gián* của Vương Duy cho thấy sự thuần khiết, huyền diệu, thiên nhiên thanh khiết đến nỗi trăng mọc mà khiến chim núi giật mình và nghe được cả tiếng chim kêu trong khe núi mùa xuân: *Nhân nhàn hoa quế lạc/ Dạ tĩnh xuân sơn không/ Nguyệt xuất kinh sơn điệu/ Thì minh xuân gián trung* (Người thông thả, hoa quế rụng/ Đêm vắng lặng, núi xuân chơ vơ/

Trăng mọc làm chim núi giật mình/ Thịnh thoảng kêu trong khe xuân). Trong thơ trung đại Việt Nam, chúng ta cũng có thể bắt gặp thể giới thiên nhiên đầy khơi gợi như thể: *Trong như tiếng hạc bay qua/ Đục như tiếng suối mới sa nửa vời/ Tiếng khoan như gió thoảng ngoài/ Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa* (Truyện Kiều - Nguyễn Du). Trong Thơ mới có thể giới thuần khiết, huyền diệu với sự tổng hòa ấy, nhưng vẫn chỉ là sự xuất hiện thi thoảng: *Chừ đây đêm hãy đây sương/ Con thuyền, còn buộc trắng sông lạnh lùng/ Phút giây ấy ta, mình ngây ngất/ Bỗng con thuyền buộc chặt rời cây* (Giang hồ - Lưu Trọng Lư). Ở Trường thơ Loạn, Hàn Mặc Tử và Bích Khê là hai nhà thơ đã xây dựng nên một thể giới thuần khiết và huyền diệu một cách đầy đủ nhất. Cái khác nhau cơ bản giữa hai thi sĩ tài hoa này là Hàn Mặc Tử nghiêng về sự thuần khiết, huyền diệu của thể giới Thiên đường của Chúa, còn Bích Khê lại nghiêng về cõi Niết bàn của Phật, cõi Tiên của Đạo giáo. Vì thế, sự huyền diệu, thuần khiết của thể giới nghệ thuật trong thơ Hàn Mặc Tử rõ hơn về ánh sáng, sự thuần khiết lý tính theo kiểu triết học phương Tây, còn Bích Khê thì vừa trong sáng, thuần khiết lại vừa là một thể giới phiêu diêu, siêu thoát, huyền diệu.

### 3. Thiên nhiên giao hòa, tương hợp giữa vũ trụ và con người

Phương thức thể hiện tính giao hoà, tương hợp giữa vũ trụ và con người thực ra không phải đến Thơ mới theo khuynh hướng tượng trưng mới có, mà nó chính là tư tưởng “vũ trụ vạn vật nhất thể” trong triết lý phương Đông. Điều này cũng có nghĩa là nó có từ xưa, mang bản sắc Á Đông chứ không phải đến khi các nhà thơ học tập thơ phương Tây thì tư tưởng này mới xuất hiện. Quan niệm “vũ trụ vạn vật nhất thể” của phương Đông chỉ là những nhận thức về vũ trụ và con người cũng như mối quan hệ giữa vũ trụ và con người trong triết lý. Còn trong thơ cổ điển phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng thì vũ trụ, mà cụ thể là thể giới tự nhiên của cảnh vật vẫn chỉ là đối tượng để nhà thơ chiêm ngưỡng, từ đó bật ra cảm xúc “tức cảnh sinh tình”. Còn tính tương giao, tương hợp giữa vạn vật, vũ trụ và con người trong thơ tượng trưng lại là một sự tổng hòa, đan kết giữa người thơ và vũ trụ thông qua trực giác để chuyển thành tri giác. Từ rung động, hứng khởi của tất cả các giác quan, nên chúng ta khó phân biệt đâu là vũ trụ, đâu là vạn vật, đâu là con người; đó chính là sự hòa quyện các yếu tố giữa thiên nhiên và con người. Từ đó, nhà thơ mang đến cho thi ca một góc nhìn khác về thể giới tự nhiên, đặc biệt là trường hợp Bích Khê. Hơn nữa, phương thức thể hiện tương giao, tương hợp giữa vũ trụ và con người còn biểu lộ và hé mở những thâm kín, vi diệu giữa hữu thể và hư vô, giữa thể xác và linh hồn, giữa hương sắc và âm thanh. Hồ Văn Quốc cho rằng: “Với lối tư duy này, thi sĩ có thể phát hiện ra những điều ẩn giấu trong lòng vũ trụ, tạo vật, con người” (Hồ Văn Quốc, 2016: 88). Vũ trụ là một thể thống nhất, trong đó tất cả đều tương ứng với nhau. Từ xa xưa, cha ông ta đã coi vũ trụ là một chỉnh thể thống nhất theo lý thuyết Tam tài: Thiên - Địa - Nhân (trời - đất - người). Còn Baudelaire cho rằng, giữa vũ trụ và con người có những mối tương quan bí ẩn, vượt ra ngoài sự cảm nhận của các giác quan thông thường. Chủ nghĩa tượng trưng nói riêng và Thơ mới nói chung thể hiện sự tương giao qua trực giác của con người và con người cảm nhận nó bằng sự trực giác bí ẩn về mối quan hệ tương hợp ấy. Thi sĩ Xuân Diệu trong bài *Thơ duyên* đã phát hiện ra mối tương giao huyền diệu của những vạn vật, vũ trụ và con người. Vạn vật, vũ trụ và con người cộng hưởng, hòa nhịp của thiên nhiên tạo vật với lòng người: *Chiều mộng hòa thơ trên nhánh duyên/ Cây me riu rít cặp chim chuyền/ Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá/ Thu đến nơi nơi động tiếng huyền* (Thơ duyên - Xuân Diệu). Cái đẹp và thơ mộng không phải ở từng chi tiết, hình ảnh riêng lẻ mà chủ yếu là ở sự hòa hợp, giao hòa, tương giao giữa vạn vật, vũ trụ và con người: cái đẹp của tạo vật, của thiên nhiên được cảm nhận trong mối tổng hòa, sóng đôi, gợi lên một sự nhịp nhàng, hòa điệu.

Bích Khê là một nhà thơ luôn khao khát tìm kiếm sự hoà hợp giữa con người, thiên nhiên và vũ trụ; do đó, tính tương giao tràn ngập trong thơ ông, nó trở thành điệp khúc cứ vang mãi trên những nẻo đường thơ: *Người họa điệu với thiên nhiên ân ái/ Gió thiết đa tình hôn mặt hoa/ Gió đi chơi với trong khung trắng/ Lộ nửa vắn thơ, nửa điệu ca* (Hiện hình). Gió như say, như đa tình trước vẻ

thơm tho mùi thịt của hoa, nên đã hôn mặt hoa; còn hoa thì cũng có dáng vẻ, mùi thơm giống như người con gái vậy nên mới làm cho gió trở nên “đa tình”, không cưỡng lại được sức quyến rũ. Nụ cười, hình dáng của con người được hình dung cụ thể hơn qua cách nói: *Nụ cười ai trắng như hoa lê* (Nghê thường); *Phút giây người lộ mỏng như sương* (Hiện hình). Nói về sông, Đường thi đã viết: *Vô biên lạc mộc tiêu tiêu hạ/ Bất tận Trường Giang cồn cồn lai* (Vô biên lá cây rụng bời bời/ Bất tận Trường Giang cuộn cuộn chảy) - (*Đăng cao* - Đỗ Phủ). Sông trong Đường thi của Đỗ Phủ chỉ là một dòng sông khách thể để nhà thơ nhìn thấy sông đang cuộn cuộn chảy. Viết về sông và trăng, Bạch Cư Dị viết: *Thuyền không đậu bến mặc ai/ Quanh thuyền trắng dãi, nước trôi lạnh lùng* (Tỳ bà hành); Xuân Diệu trong Thơ mới thì liên tưởng so sánh: *Người giai nhân: bóng đợi dưới cây già/ Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt* (*Lời kỹ nữ* - Xuân Diệu); Hàn Mặc Tử viết: *Thuyền ai đậu bến sông trăng đó/ Có chở trăng về kịp tối nay* (*Đây thôn Vĩ Dạ*) lãng mạn và đầy mộng ảo. Đến hình tượng sông của Bích Khê là sông trăng, lại còn chảy ngọc: *Nàng bước tới như sông trăng chảy ngọc/ Như nắng thơm hớp đặc cả nguồn hương* (*Nàng bước tới*). Cách viết này đâu chỉ nhằm vào đối tượng là trăng hay sông như Đường thi và Xuân Diệu, cũng không chỉ là sông trăng như Hàn Mặc Tử, mà là sông trăng chảy ngọc; có lẽ đối tượng mà Bích Khê hướng tới chính là “Nàng kia”! Sự tương giao, tương hợp giữa vạn vật, vũ trụ và con người được biểu hiện ở hình tượng sông chảy ngọc cùng nắng thơm hớp đặc nguồn hương. Khi miêu tả vẻ đẹp của giai nhân, Bích Khê không miêu tả một cách cụ thể mà thường để cho đối tượng xuất hiện trong một khung cảnh thiên nhiên quyến rũ lạ thường: *Một người thiếu nữ hiện trong trăng/ Khăn hồng chùi lệ ngán đôi mắt/ Da thịt phô bày ý tuyết băng/... Tiếng ngọc, màu trắng quán quýt nương* (Hiện hình); *Giai nhân hiện dưới bóng hồng nga* (Mộng lạ); *Vài chút trắng say động ở làn môi* (Tranh loã thể). Chính sự xuất hiện trong một khung cảnh dưới trăng càng tôn thêm vẻ đẹp của giai nhân. Hoặc khi miêu tả đôi mắt. Bích Khê đặt nó trong sự tương giao với thiên nhiên: *Có đôi mắt biếc của mùa thu* (Người say rượu); *Cặp mắt mùa thu đương đắm si* (Châu), hay *Ngừng đôi mắt chứa mùa xuân phẩm tiết* (Đồ mi hoa). Khi miêu tả mái tóc, đôi môi, Bích Khê đã để cho thời gian và hương thơm của hoa cỏ được hòa quyện vào tóc, vào môi của người con gái: *Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc* (Tranh loã thể); *Tóc quyến bay mùi tô hớp hương* (Nghê thường)...

Trong những bài thơ viết về thiên nhiên như: *Đồ mi hoa, Ngũ Hành Sơn...* dưới con mắt của Bích Khê hoá hoa Đồ mi, đỉnh núi Ngũ Hành không còn thực nữa mà nó trở thành những giai nhân: *Ngừng đôi mắt chứa mùa xuân phẩm tiết* (Đồ mi hoa); *Chàng ơi vừa lòng sao/ Khi hứng giọt thơm ngào* (Ngũ Hành Sơn, tiền). Bằng trực giác bí ẩn, Bích Khê đã gọi ra được những chiều liên tưởng mới. Lúc này, hoá hoa, đỉnh núi, ngàn mây,... đều là những thực thể sống, có linh hồn. Với cách nhìn vạn vật trong tính tương giao như vậy, thiên nhiên trở nên đa tình, đa nghĩa, còn con người xuất hiện trong thiên nhiên và qua thiên nhiên cũng đầy mộng ảo như những nàng tiên, những giai nhân.

Được hoà mình vào thiên nhiên, vào vũ trụ là ước mơ của con người, đặc biệt là các thi sĩ, vì ở nơi đó họ nhìn thấy một thế giới mới lạ, Bích Khê đã nhìn thấy mối quan hệ giữa giữa vạn vật, vũ trụ và con người, giữa chúng luôn có một mối tương giao hoà hợp. Tính tương giao, hoà hợp giữa vạn vật, vũ trụ và con người được Bích Khê thể hiện khá rõ từ tư duy đến thực hành sáng tạo. Nó đã làm cho hình ảnh thơ mang nhiều ý nghĩa, tầng bậc, đồng thời mang đến cho người đọc những cảm nhận mới, những liên tưởng bất ngờ về thiên nhiên, con người và cuộc sống.

#### **4. Thiên nhiên giao hoà giữa âm thanh, màu sắc, hương thơm và ánh sáng**

Sự giao hoà giữa âm thanh, màu sắc, hương thơm và ánh sáng là đặc trưng khá nổi bật của thơ tượng trưng, đặc biệt là trong thơ Bích Khê. Trong thơ ca cổ điển Trung Hoa và Việt Nam đã xuất hiện yếu tố âm thanh, màu sắc, hương thơm và ánh sáng,... nhưng sự gắn kết, hòa quyện làm một giữa tâm hồn thi nhân với thiên nhiên có lẽ chỉ đến thơ tượng trưng mới có. Có thể thấy, trong văn học trung đại, đối tượng nằm ở thế giới khách quan và thi nhân chỉ nhìn chúng mà miêu tả theo kiểu tức cảnh sinh tình: *Phong cấp thiên cao viên khiêu ai/ Chỉ thanh sa bạch, điệu phi hồi* (Gió gấp,

trời cao, vượn kêu buồn/ Bên trong, cát trắng, đàn chim bay vòng) - (*Đấng cao* - Đỗ Phủ). Ở đây, thi nhân nhìn thiên nhiên với trạng thái: gió gấp, trời cao, bên trong, đàn chim bay và âm thanh tiếng vượn kêu buồn cùng màu cát trắng, nhưng tất cả đều tách bạch một cách rõ ràng, mỗi thứ là một đối tượng cụ thể để miêu tả. Nguyễn Du miêu tả nhan sắc Thúy Kiều, Thúy Vân: *Mai cốt cách tuyết tinh thần/ Mỗi người mỗi vẻ mười phân vẹn mười*. Riêng Thúy Vân: *Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang/ Hoa cười ngọc thốt đoan trang/ Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da*; riêng Thúy Kiều: *Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh* (*Truyện Kiều* - Nguyễn Du)... Có âm thanh, có màu sắc, có ánh sáng... nhưng tất cả đều là những đối tượng độc lập để gắn vào tính cách, tình cảm của từng nhân vật. Trong thơ tượng trưng Pháp sự tương giao, tương hợp là một nguyên tắc. Baudelaire đã cho chúng ta thấy sự tương giao, tương hợp bất phân của suối máu. Suối tất phải chảy, chảy tất tạo nên âm thanh và cả dòng suối rục lên là dòng máu đỏ: *Nghê máu chảy tiếng thẳm thì dai dẳng/ Ráng công tìm chẳng thấy vết thương mang* (*Suối máu* - Baudelaire). Đến tượng trưng của Thơ mới Việt Nam, sự hòa hợp đã xuất hiện rõ ràng hơn: *Vườn cười bằng bướm hót bằng chim/ Dưới nhánh không còn một chút đêm/ Những tiếng tung hô bằng ánh sáng/ Ca đời hưng phục trẻ trung thêm* (*Lạc quan* - Xuân Diệu); *Tơ trắng buông rèm trên muôn cảnh/ Tơ trắng vàng rung như âm thanh* (*Tiền sâu* - Hàn Mặc Tử). Có thể thấy, ở đây, sự tương giao, tương hợp giữa màu sắc, âm thanh, ánh sáng đã gắn quyện vào làm một. Người đọc không còn “khả năng” nhận ra âm thanh tiếng cười là vườn cười hay bướm cười, vườn hót hay chim hót; màu đêm dưới nhánh cây hay cả vườn đêm.

Với cảm quan nghệ thuật của trường phái tượng trưng, Bích Khê luôn nhìn cuộc đời từ phía sắc màu, hương thơm và ánh sáng qua cái nhìn trong thế giới tương giao, tương hợp. Với *Tỳ bà*, *Mộng cầm ca*, *Nhạc*, *Thi vị*, *Hiện hình*... khó có thể tách bạch đâu là ông viết về hương thơm, đâu là màu sắc, đâu là ánh sáng... bởi tất cả tạo nên một sự hòa hợp, tương ứng đã dệt thành một bức tranh chứa đựng đầy đủ màu sắc, âm thanh, ánh sáng: *Trăng gây vàng, vàng gây nên sắc trắng/ Cửa gương hồ im lặng tựa bài thơ/ Chân nhịp nhàng lòng nghe hương nặng nặng/ Đây bài thơ không tiếng của đêm tơ/ Trăng gây vàng, vàng gây nên sắc trắng/ Cửa hồn thu đi lạc ở trong mơ* (*Mộng Cầm ca*). Với sự giao hòa kỳ diệu đó, người đọc thấy vang lên những âm thanh ngân nga có sức quyến rũ mê hồn: *Nàng bước tới như sông trăng chảy ngọc/ Như nắng thơm hóp đặc cả nguồn hương* (*Nàng bước tới*). Có thể thấy, đây là một lối tư duy bất chợt đầy cảm xúc, khó lý giải nhưng lại gợi lên nhiều ám ảnh thú vị đối với người đọc. Thế giới mở ra trước mắt Bích Khê đâu đâu cũng dậy nức mùi hương, âm thanh và ánh sáng. Bích Khê luôn cảm thấy hưng phấn và sáng khoái khi đắm mình giữa sự tương hợp, giao hòa ấy. Sự tương giao, tương hợp ấy còn thể hiện ở chỗ thơ tượng trưng Bích Khê đã thăng hoa bởi tình yêu cuộc sống, yêu tới mức nhà thơ muốn hòa mình vào sắc hương, thanh âm, ánh sáng của thiên nhiên, vũ trụ. Vì thế, màu sắc, hương thơm, ánh sáng của cuộc sống bên ngoài bước vào thế giới thơ Bích Khê đều trở nên lung linh, huyền diệu: *Lam nhưng ô màu xanh lưng chừng trời* (*Hoàng hoa*); *Trăng đan qua cảnh muôn tơ êm/ Mây nhưng pha màu thu trên trời/ Suong lam phơi màu thu muôn nơi* (*Tỳ bà*);... Bích Khê cũng đặc biệt đam mê màu sắc và màu sắc đã trở thành nét chủ đạo trong bản giao hưởng thơ của ông. Màu sắc với những biến tấu kỳ ảo đã tạo nên một giọng điệu riêng trong thơ Bích Khê. Bằng thơ, Bích Khê đã đưa người đọc đến với một không gian giàu màu sắc, hương thơm và ánh sáng với những giai điệu lung linh, với những biến hóa kỳ ảo. Màu sắc ấy, có thể là hương thơm, hương thơm ấy có thể là ánh sáng, hoặc ngược lại.

Sẽ không có sự phối màu tuyệt diệu đó nếu không có ánh sáng từ thiên nhiên, hay nói cách khác, ánh sáng đã tạo nên sự phối màu tuyệt diệu đó. Vì thế, trong thơ tượng trưng Bích Khê luôn tràn ngập màu sắc, hương thơm và ánh sáng: ánh sáng phát ra từ bàn tay búp sen của giai nhân “đi trong chiêm bao ảo lả”, biến thành cái nhìn ảo giác chỉ có trong tưởng tượng huyền diệu: *Tay búp sen kể lên vàng óng ả/ Những đường thêu kim tuyến rúng đêm huyền* (*Đồ mi hoa*). Rồi ánh sáng

phát ra từ: *Ôi! cặp mắt của người trong tựa ngọc/ Sáng như gương và cháp chóa kim cương* (Cặp mắt). Thứ ánh sáng ấy không đứng biệt lập mà nó tương giao, hòa quyện trong màu sắc và hương thơm ngào ngạt. Mùi hương ấy vang xa chứ không bay xa: *dội hương vang, nức ra hơi hương*, mỗi cái *liếc yêu* cũng *phảng phất mùi hương*, đến cả *hồn tôi* cũng *như đỉnh trầm hương*... Trong khi đó, thơ cổ điển thông thường chỉ tả hoa, tả hương thơm để người thưởng lãm. Có thể nói, tương giao, tương hợp giữa màu sắc, hương thơm và ánh sáng mở ra trước mắt Bích Khê, đâu đâu cũng ngậy ngát mùi hương hòa quyện vào màu sắc và ánh sáng. Bích Khê đã tạo ra một phương thức độc đáo trong việc tạo nên tính tương giao, tương hợp giữa màu sắc, hương thơm và ánh sáng, không có hình tượng rõ nét, không có sự rạch ròi biệt lập của các hình ảnh cụ thể, mà Bích Khê tạo nên bởi trong nhạc có màu sắc, trong màu sắc có hương thơm, trong hương thơm có ánh sáng... tất cả hòa quyện vào nhau tạo nên một bản hòa âm huyền ảo. Ánh sáng như là có phép nhiệm màu đã khiến những câu thơ của Bích Khê luôn lấp lánh, lung linh, ngời sắc, kể cả khi màn đêm bao phủ, ánh sáng cũng không hề bị triệt tiêu mà thật ám ảnh: *Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc/ Một chút trắng say động ở làn môi* (Tranh lửa thể)...

Bích Khê đã thể hiện thế giới thiên nhiên đậm chất tượng trưng trong việc hướng đến một thế giới thiên nhiên thanh khiết, huyền diệu, ngập tràn hương thơm; một thế giới thiên nhiên giao hòa giữa vạn vật, vũ trụ và con người và một thế giới thiên nhiên giao hòa giữa màu sắc, hương thơm và ánh sáng. Ở đó, ta bắt gặp một cõi đời đầy mộng ảo xa lạ với cuộc sống hằng ngày, nơi tồn tại phiêu diêu của phần tâm linh bí ẩn, là một cõi trời huyền bí của thế giới cái đẹp, thế giới thơ ca, trong sự hòa điệu nhịp nhàng tương ứng của mọi màu sắc, hương thơm với những âm thanh và biểu tượng kỳ lạ.

### 5. Thiên nhiên gắn với yếu tố tâm linh

Bích Khê vốn là người yêu mến và am hiểu Phật giáo, cảm quan tôn giáo đã chi phối đến nghệ thuật sáng tác của ông. Sinh ra, lớn lên và hấp thụ những tinh túy, tinh hoa của văn hóa núi Ấn, sông Trà - Nơi có phong cảnh hữu tình, là biểu tượng của khí thiêng của một vùng đất. Nho sĩ Nguyễn Cư Trinh khi mô tả 12 thắng cảnh của Quảng Ngãi đã đặt thắng cảnh “Thiên Ấn niêm hà” (Ấn trời đóng trên sông) ở vị trí đầu tiên và kế đến là thắng cảnh “Thiên Bút phê vân” (Bút trời viết lên mây). Những phong cảnh ấy có những nét trầm mặc, cổ kính và nhiều đền chùa, kinh kệ. Bản thân Bích Khê lại bị bệnh hiểm nghèo nên thơ ông đã rất tự nhiên khi nhuộm màu giữa đời và đạo, tạo nên những phong vị của chất thiền và dấu ấn tâm linh có thể thấy là xuyên suốt. Yếu tố tâm linh ở thơ Bích Khê không phải đến thơ tượng trưng mới xuất hiện. Sau khi ông đã trải qua biến cố của cuộc đời, với những kinh nghiệm sống dày dặn, nhất là trải qua cơn bĩ cực của cuộc đời, sự giằng xé giữa linh hồn và thể xác thì yếu tố tâm linh mới xuất hiện dày đặc, có chủ ý, có chiều sâu. Có lẽ do vốn ký ức của một người sinh ra và lớn lên ở Quảng Ngãi, được “tắm gội” trong không gian văn hóa của phố cổ Thu Xà, được chứng kiến cảnh thành quách, đền đài u buồn, trầm mặc nên những hình ảnh ấy luôn hiện trong ý thức và cả “cõi vô thức” của ông. Và, chúng ám ảnh thành hình tượng thơ. Những lần Bích Khê chán nản, buồn bã vì nhân tình thế thái, vì bệnh tật hành hạ, ông thường đi lên núi Ấn hoặc lên đèo trên sông Trà, có khi vào tận chùa Ông Ran ở Phan Thiết, rồi lại đến chùa Tà Cú: “Ở nơi non cao gió trong, lại thêm mùi hương kệ, lòng Khê khuấy khỏa dần chuyện thế thái vô than” (Quách Tấn, 2018: 16).

Những liên hệ gần và xa mang tính ảo giác, tâm linh có khả năng “lây lan” trong thơ Bích Khê như những vết loang của vô thức mà nó được phát ra rất tự nhiên bởi yếu tố thiên nhiên (hương, hoa, trăng, ánh sáng), được dẫn dắt bởi ngôn ngữ (mờ nhòe, ảo giác), rồi bước sang cõi vô thức (mộng, hồn, say) và, cuối cùng là chạm đến các Đấng (Trời, Phật). Bích Khê đã chọn cho mình cuộc sống thanh tịnh trên núi Thiên Ấn, ở đó tiếng chuông chùa mỗi ngày làm tấm lòng thi sĩ được thanh tịnh. Đó là nơi mà Bích Khê có thể tu tâm, dưỡng tính, nuôi dưỡng tâm hồn, quên muộn phiền, khổ đau. Từ khi phải chịu một trong những “tứ chứng nan y”, cuộc sống bị cái chết dồn đuổi

gấp gáp, nổi tuyệt vọng lên đến đỉnh điểm thì cõi Niết Bàn đã trở thành niềm ám ảnh khôn nguôi trong tâm trí Bích Khê. Cõi Niết Bàn đối với Bích Khê là một thế giới *Tinh hoa* và *Tinh huyết*; đó là thế giới linh thiêng mà: “Tại đây, câu kinh tiếng mõ đã làm tâm hồn chàng lắng xuống và sự tín ngưỡng lần dần đi vào tâm hồn tinh vi của chàng như gió chiều bốn hướng mệnh mang đi vào cánh lá cây nơi núi non trùng điệp...” (Nhiều tác giả, 2005: 13).

Thế giới tâm linh trong thơ Bích Khê chẳng phải đâu xa lạ, mà chính là một thế giới thiên nhiên được tạo ra bởi hương thơm, thanh sắc và nhạc điệu: *Xót hồn cổ độ sương vài giọt/ Xích bóng tà huy nguyệt mấy canh/ Nghìn năm cổ nhân đâu đó tá/ Cánh chim kêu lạnh đập trong cành* (Trên núi Ấn nhìn sông Trà). Thế giới đậm chất tâm linh đã đưa Bích Khê đến với thế giới nhiệm màu để hóa giải những niềm đau. Đó là sự hòa nhập bản ngã của mình vào thiên nhiên để kiếm tìm sự siêu thoát; đó là sự cảm nhận thiên vị trong từng hương thơm cây cỏ, trong từng hơi thở của tự nhiên: *Thôi lên đài Vọng Hải/ Nhìn kim cương rung rung/ Nhạc vàng đâu bay lại/ Trời nước lộn trong sương* (Ngũ Hành Sơn tiền). Tuổi trẻ đầy thăng trầm với nỗi đau bệnh tật đã khiến Bích Khê luôn rơi vào những trạng thái chập chờn nửa mơ, nửa tỉnh: *Bí mật trời Thiên Thai/ Động Huyền Không bốc khói/ Lờ mờ đường lên mây/ Chén trắng vừa tầm với/ Chàng ơi, vàng ròng đây* (Ngũ Hành Sơn tiền); *Mây trắng bay về núi Thạch chưa/ Chùa Ông chim hót ở ngoài mưa/ Ngồi bên gò mà nghe chuông vọng/ Sắc cỏ thơm mùi kinh sách xưa* (Chùa Ông Thu Xà). Trước cơn bạo bệnh, Bích Khê vẫn không thôi mơ mộng, hoà mình vào cảnh sắc thiên nhiên. Bích Khê vẫn đắm say trước thiên nhiên và ngộ ra những quy luật của vòng luân hồi, để rồi một lần đến với Ngũ Hành Sơn là một lần đạt đạo, để hồi hương quy y cùng Phật Như Lai: *Sực nức lò hương xông/ Trập trùng màu xiêm áo/ Lác đác trở mưa bông/ Phật Như Lai thoát hiện/ Trên bảy sắc cầu vòng/ Quái thay hòn non nước/ Nghe giảng đủ mười tông* (Ngũ Hành Sơn hậu). Thế giới tâm linh xuất hiện trong thơ tượng trưng Bích Khê trải qua nhiều cung bậc, cảm xúc, khi thì mờ ảo, huyền hồ, khi thì đặt mình trong áo giác của thế giới bên kia: *Chập chờn trong tiếng chuông/ Điểm kinh ngân thánh thót/ Chập chờn trong bể sương/ Lượn theo nếp y thường...* (Ngũ Hành Sơn tiền). Bích Khê đã từng ví mình là đài Vọng Hải: *Tay nào như sắp bay/ Gió lồng hang Âm Phủ/ Hoa mộng thắm màu thâm/ Bóng đa phờ tóc rũ/.../ Lên chơi hòn Non Nước/ Ôm nhau chết bên đường* (Ngũ Hành Sơn tiền).

Một thế giới tự nhiên nhuộm màu sắc tâm linh còn được thể hiện bởi những âm thanh kỳ diệu, sắc màu của thiên nhiên: *Mây nước mê ly cảm dưới nguyệt/ Cỏ hoa vờ vật mộng trong hương/ Tinh hồn như có ai kêu gọi* (Dưới trăng ngồi gảy đàn). Ngoài ra, nhịp điệu tâm linh còn được đo bằng sự xao động của cảnh vật, sự chuyển động của ngôn ngữ: rung rinh điệu ngọc, những cánh hồng đơm, nhẹ nhàng, gợn gợn... Nhạc chan chứa lan truyền mọi nơi mọi chốn, từ miền vũ trụ bao la đến chốn tiềm thức tâm linh bí ẩn của biểu tượng: *Liêu Trai trở lại, lánh vòng trần/ Ma Phật mơ hồ mộng với thân* (Gỗ bôn); *Cô dẫn hồn tôi trên sóng mùa* (Cùng cô đào hát bộ). Nhạc, biểu tượng không chỉ là nhịp điệu, là biểu tượng của thế giới huyền diệu mà còn là nhịp điệu, hình tượng của vũ trụ, của thế giới tâm linh,... tất cả đều chuyển hoá, cộng hưởng, dẫn người đọc đi vào vùng siêu cảm đầy chất tâm linh: *Hỡi đôi mắt! Nơi người là ngọc thạch/ Nơi giếng người phản chiếu ảnh thiên thân/.../ Hỡi đôi mắt! Hồ thủy tinh trong suốt/ Soi trần gian địa ngục vạn đời ma* (Đôi mắt).

Những giây phút cuối đời, Bích Khê nằm bất động lắng nghe từng tiếng kinh đều đều điểm vào không gian tĩnh lặng, lắng nghe tiếng thì thầm của thiên nhiên đất trời: *Chập chờn trong tiếng chuông/ Điểm kinh ngân thánh thót/ Chập chờn trong bể sương* (Ngũ Hành Sơn tiền). Bích Khê đã được gột rửa lòng trần, bước chân sang cõi vô biên bằng tâm thể thanh thân, hoà mình vào chốn bông lai, tiên cảnh: *Phật Như Lai thoát hiện/ Trên bảy sắc cầu vòng* (Ngũ Hành Sơn hậu). Hình ảnh Đức Phật sáng ngời trong tâm hồn thánh thiện của Bích Khê đã có một tác dụng tích cực, Bích Khê có thể cảm nhận chất thiên tóa lan trong tạo vật thiên nhiên: *Trăng sáng giữa trời trong/ Soi về miền cổ độ/ Lòng ta bến đò xưa/ Bóng trăng sao chẳng tỏ* (Trăng sáng bến đò xưa).



Sự chuyển động của yếu tố tâm linh trong thơ Bích Khê gắn với thiên nhiên và cũng là nơi có khả năng phát ra “những tia sáng” bất ngờ và gọi bao suy tư, trăn trở. Bích Khê suốt một đời thơ xa lánh cái ô tạp, cái tầm thường, chỉ tìm nguồn thanh khiết, nguồn vui trong văn chương để rồi dấu ấn tâm linh đã trở thành một phương thức, thái độ sống - luôn có niềm tin và hướng thiện.

## 6. Kết luận

Thiên nhiên trong thơ Bích Khê được biểu hiện ở những dạng thức khác biệt so với các nhà thơ khác. Ở đó, thế giới tự nhiên được soi chiếu bởi lăng kính tượng trưng và hiện lên trong thơ với một thế giới thanh khiết, huyền diệu, đắm hương với tất cả sự tinh anh của nó hợp cùng những màu sắc đầy tính tượng trưng. Sự thanh khiết, huyền diệu, đắm hương được thể hiện với tất cả ý thức: thơ ca không tách rời với thiên nhiên, đó là sự “họa điệu” đa dạng của tất cả các yếu tố sắc màu, âm thanh, ánh sáng, mùi hương,... là sự tương giao, tương hợp giữa vạn vật, vũ trụ và con người; là sự tương giao giữa màu sắc âm thanh và ánh sáng... Tất cả hòa quyện một cách nhuần nhuyễn làm nên thế giới thiên nhiên rất riêng của Bích Khê. Đó là sự cân bằng tự nhiên bởi thế giới tâm linh được phát ra trong thế giới tự nhiên với tất cả vẻ huyền diệu, lung linh của một cõi khác như là một tượng trưng của cõi thực cuộc đời. Trong cõi tâm linh của Bích Khê, thiên nhiên, hoa cỏ luôn hiện hữu trong thơ.

Là một nhà thơ tượng trưng tiêu biểu ở Việt Nam, Bích Khê luôn vận dụng tối đa sức mạnh của thiên nhiên vào thơ. Cũng chính vì lẽ đó, thơ Bích Khê có khả năng trường tồn với thời gian, gọi niềm đam mê khám phá và chinh phục những người yêu thơ ông.

Việc tìm hiểu yếu tố thiên nhiên được soi chiếu bởi lăng kính tượng trưng trong thơ Bích Khê là một hướng khám phá mới, đòi hỏi phải đặt trong mối tương quan với các nhà Thơ mới cùng thời để tìm ra chất “sinh thái” đặc sắc của Bích Khê. Từ đó cho thấy những đóng góp của Bích Khê đối với sự phát triển thơ ca hiện đại Việt Nam. Bích Khê xứng đáng được xem là đỉnh cao của thơ tượng trưng ở Việt Nam và thơ Bích Khê vẫn tiếp tục hấp dẫn người đọc trong tương lai với những trường tiếp nhận mới.

## Tài liệu tham khảo

- Bích Khê. (1995). *Tinh huyết*. Nxb. Hội Nhà văn.
- Bích Khê. (1997). *Tinh hoa*. Nxb. Hội Nhà văn.
- Bích Khê. (2005). *Thơ Bích Khê (tuyển tập)*. Hội Nhà văn Việt Nam. Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Ngãi xuất bản.
- Hàn Mặc Tử. (1997). Bích Khê, thi sĩ thần linh. In trong *Tuyển tập phê bình nghiên cứu văn học Việt Nam (1900-1945)*. Nxb. Văn học.
- Hoài Thanh, Hoài Chân. (2003). *Thi nhân Việt Nam*. Nxb. Văn học.
- Hồ Văn Quốc. (2016). *Khuyên hướng thơ tượng trưng Việt Nam hiện đại*. [Luận án tiến sĩ Văn học, Trường đại học Huế].
- Nhiều tác giả. (2005). *70 năm đọc thơ Bích Khê*. Nxb. Văn học.
- Nhiều tác giả. (2016). *Bích Khê một trăm năm*. Nxb. Hội Nhà văn.
- Quách Tấn. (2018). *Bích Khê lung trời bóng nhận*. Nxb. Văn học.
- Thụy Khuê. (2019). *Cấu trúc thơ*. Nxb Đà Nẵng.
- Trần Đình Sử. (2021). *Thi pháp thơ tượng trưng*. <https://trandinhstu.wordpress.com/2021/03/05/thi-phap-tho-tuong-trung/>